

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA LUẬT HÌNH SỰ HIỆN ĐẠI

Lê Thị Sơn*

Để có thể nhận biết được hết giá trị và ý nghĩa lịch sử của Quốc triều Hình luật - hiện thân của hệ thống pháp luật thời nhà Lê - đòi hỏi phải nghiên cứu từ nhiều góc độ và cấp độ khác nhau. Các kết quả nghiên cứu theo thời gian giúp chúng ta xác định được những giá trị, truyền thống pháp luật ẩn chứa trong Quốc triều Hình luật đã, đang và sẽ cần được kế thừa và phát huy. “Quốc triều Hình luật và các nguyên tắc của Luật Hình sự hiện đại” cũng thể hiện một góc độ nghiên cứu theo hướng này. Từ góc độ nghiên cứu này cho thấy nhiều giá trị lịch sử của Quốc triều Hình luật vẫn mang ý nghĩa thời đại.

1. Đến thời điểm Quốc triều Hình luật ra đời thì nó là Bộ luật đồ sộ nhất với 722 điều và hệ thống nhất trong tất cả các văn bản pháp luật của triều Lê¹. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử đã cho rằng Quốc triều Hình luật không chỉ là đỉnh cao so với những thành tựu pháp luật của các triều đại trước đó mà còn đối với cả Bộ luật được biên soạn vào triều đại sau đó: *Hoàng Việt luật lệ*². Sự ra đời của Quốc triều Hình luật thực sự là sự kiện có giá trị đặc biệt trong lịch sử thể chế và củng cố pháp chế thời nhà Lê. Hay nói cách khác là bản thân Quốc triều Hình luật đã là thành tựu của sự tăng cường pháp chế dưới thời nhà Lê. Nếu xét về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự thì tuy được ban hành cách đây khoảng hơn 500 năm, Bộ luật này đã mang nhiều đặc điểm của

Bộ luật Hình sự hiện đại. Về cấu trúc, Bộ luật cũng bao gồm hai phần: Phần chung và Phần các tội phạm. Các quy định trong Chương Danh lệ có thể coi là các quy định của Phần chung. Đó là các quy định mang tính chất chung thể hiện những nguyên tắc nhất định và đã được cụ thể hoá trong các quy định về tội phạm cụ thể trong các chương tiếp theo. Cụ thể, Phần chung của Bộ luật bao gồm các quy định sau:

- Quy định về tội thập ác

Qua quy định này, Bộ luật đã gián tiếp phân biệt các tội thập ác với các tội phạm khác để qua đó thể hiện rõ chính sách hình sự nghiêm trị đối với người phạm tội thập ác.

- Quy định chung về hệ thống hình phạt

Trong đó bao gồm quy định về các hình phạt cơ bản là ngũ hình và một số hình phạt khác với việc quy định cụ thể về các bậc của ngũ hình, các mức hình phạt khác áp dụng độc lập hoặc kèm theo ngũ hình; quy định về biện pháp chấp hành hình phạt: Cho chuộc tội bằng tiền (đối với hầu hết các hình phạt trừ hình roi).

- Quy định về chính sách hình sự

Đó là các quy định thể hiện chính sách hình sự giảm nhẹ hay châm chước cho tám hạng người có đặc quyền, đặc lợi của Nhà nước Phong kiến (Bát nghị); các quy định thể hiện chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội là người già, người tàn tật và trẻ em; quy định cho chuộc tội bằng tiền đối với các loại đối tượng trên nếu phạm tội với hình phạt tù lưu trở xuống; và quy định xử lý khoan hồng đối với người phạm tội mà tự thú; cuối cùng là quy định thể hiện sự nghiêm trị đối với những người phạm tội thập ác hoặc giết người như: quy định không áp dụng các quy định về giảm tội cho các đối tượng nêu trên, nếu phạm tội thập ác

* PGS.TS. Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

¹ “Nếu đem so sánh với 502 điều trong Bộ luật nhà Đường và 460 điều trong Bộ luật nhà Minh thì ít nhất cũng hơn hai Bộ luật đó tới 220 điều”. Insun Yu, *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XV-11-XVIII*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.68, 78.

² Xem: Quốc triều Hình luật - Lời nói đầu của Viện Sử học Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

hoặc giết người, không ân giảm cho người phạm tội ác nghịch, không áp dụng quy định về chuộc tội bằng tiền cho đối tượng kể trên nếu phạm tội thập ác...

- Quy định về nguyên tắc xử lý trong trường hợp nhiều người cùng thực hiện một tội, trường hợp phạm nhiều tội, phạm tội do lầm lỡ và phạm tội do cố ý

- Quy định về trường hợp cho chịu trách nhiệm hình sự thay

Các chương từ 2 đến 13 Quốc triều Hình luật đã chứa đựng các quy định rất cụ thể về những âm mưu và hành vi được coi là tội phạm và các hình phạt tương ứng. Có thể coi các quy định này thuộc Phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật. Các tội phạm cụ thể cũng được sắp xếp vào các chương hoặc phân loại thành các nhóm tội khác nhau và việc sắp xếp đó cũng được dựa vào một số căn cứ tương tự như các căn cứ sắp xếp và phân loại tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự hiện đại. Như dựa vào nhóm các quan hệ xã hội cần được bảo vệ có cùng tính chất hoặc gần giống nhau về tính chất mà các tội phạm xâm hại tới để xếp các tội phạm đó vào một chương, Tất cả các tội phạm xâm hại tới an toàn kinh thành, cung điện và nhà vua được xếp vào Chương Vệ cấm. Các tội xâm phạm đến tính mạng và sức khoẻ của con người được xếp vào Chương Đấu tụng. Hoặc dựa vào đặc điểm của chủ thể tội phạm để sắp xếp hoặc phân loại tội phạm. Chương Vi chế bao gồm các tội phạm mà chủ thể là quan chức, Chương Quân chính bao gồm các quy định về tội phạm mà chủ thể tội phạm là quân nhân.

Việc quy định âm mưu hoặc hành vi phạm tội một cách tỉ mỉ, chi tiết cùng loại và mức hình phạt cho từng âm mưu hoặc hành vi phạm tội cụ thể là đặc thù của việc quy định tội phạm trong Quốc triều Hình luật. Khác với Luật Hình sự hiện đại, tội phạm được quy định một cách khái quát, bao gồm các dấu hiệu chung đặc trưng cho một nhóm các trường hợp phạm tội nhất định thì Quốc triều Hình luật quy định tội phạm cụ thể bằng cách miêu tả từng trường hợp phạm tội cùng

với tất cả các tình tiết (nếu có) ảnh hưởng đến mức độ trừng phạt và mức hình phạt cụ thể cho trường hợp phạm tội đó. Ví dụ, Điều 118 quy định: “*Người nào vẽ và cất giấu những chân dung các vua và hoàng hậu bản triều thì bị xử phạt 50 roi biếm một tư.*” Hoặc Điều 466 quy định: “*Đánh người gãy răng, sứt tai mũi, chột một mắt, gãy ngón chân, ngón tay, giập xương hay lấy nước sôi, lửa làm người bị thương và rụng tóc thì xử tội đồ làm khao đình. Lấy đồ bắn thiu ném vào đầu, mặt người ta thì xử biếm hai tư; đổ vào miệng, mũi thì biếm ba tư. Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lên thì xử tội đồ làm tượng phờng bình. Lấy gươm, giáo đâm, chém người, dẫu không trúng, cũng phải lưu đi châu gần (người quyền quý phạm tội thì xử tội biếm). Nếu đâm, chém bị thương và làm đứt gân, chột 2 mắt, dọa thai thì xử tội lưu đi châu ngoài; đánh gãy chân, tay, mù 1 mắt thì phải tội lưu đi châu xa...*”. Do có cách quy định tội phạm cụ thể như vậy nên có nhiều trường hợp tương ứng với một tội phạm được quy định trong Luật Hình sự hiện đại thì trong Quốc triều Hình luật loại tội đó lại được quy định ở nhiều điều luật khác nhau. Như tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ người khác được quy định tại một điều luật trong Luật Hình sự hiện đại thì trong Quốc triều Hình luật loại tội này được quy định ở rất nhiều điều luật khác nhau như tại các điều: 465, 466, 467, 469, 470, 471, 472, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480... Mỗi điều luật thông thường không quy định một mà nhiều trường hợp phạm tội khác nhau với các mức hình phạt khác nhau. Qua đó đã thể hiện rằng các nhà làm luật thời Lê đã rất tỉ mỉ, công phu và nghiêm ngặt ngay trong việc xây dựng Bộ luật. Đồng thời, việc áp dụng các quy định kiểu này cũng đòi hỏi phải nghiêm ngặt. Chính đòi hỏi này đã được thể chế hoá trong một số điều của Quốc triều Hình luật và qua đó phản ánh nguyên tắc “*Vô luật bất hình*”³.

³ Xem: Vũ Văn Mẫu. *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử*. Sài Gòn, 1975, tr.132.

Đây cũng chính là một nội dung cơ bản tiếp theo của nguyên tắc pháp chế được thể hiện trong Quốc triều Hình luật.

Điều 683 Quốc triều Hình luật quy định: “*Các quan xử án, trong các bản án, chỗ luận tội phải dẫn đủ chính văn và cách thức của luật lệnh; làm trái thì xử phạt. Tự ý mình xét xử thì bị biếm một tư. Nếu có thêm bớt thì xử theo luật thêm bớt tội*”. Điều luật này đã khẳng định nguyên tắc là chỉ có luật hình mới quy định về tội phạm và hình phạt tương ứng cho tội phạm, chỉ có thể dựa vào quy định của luật hình tức là dựa vào chính văn của điều luật quy định về tội phạm mà luận tội cho người khác, không ai được phép làm trái. Điều này cũng có nghĩa là không có luật thì không có tội. Ngay cả chế sắc của nhà vua luận tội cụ thể cũng không được lạm dụng, lấy làm cơ sở pháp lý để xử tội khác. Điều 685 quy định: “*Những chế sắc của vua luận tội gì, chỉ là xét xử nhất thời, chứ không phải là sắc lệnh vĩnh viễn thì không được viện dẫn sắc lệnh ấy mà xét xử việc sau. Nếu ai viện dẫn ra xét xử, không đúng thì khép vào tội cố ý làm sai luật*”. Người áp dụng pháp luật, cụ thể là thẩm phán chỉ có thể dựa vào căn cứ duy nhất, đó là quy định của luật hình để xét xử đúng người, đúng tội. Điều 722 quy định: “*Hình quan định tội danh, chiếu trong luật đã có chính điều, lại tự ý thêm bớt bậy, hay viện dẫn điều khác, để tùy ý xử nặng nhẹ thì bị xử nặng hơn tội thêm bớt tội người một bậc*”. Qua các quy định trên cho thấy việc tuân thủ triệt để các quy định của luật hình là trách nhiệm của những người áp dụng pháp luật, không chấp nhận bất cứ ngoại lệ nào. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp điều luật không quy định rõ nên áp dụng hình phạt với mức nào thì áp dụng mức hình phạt có lợi cho người phạm tội. Điều 708 quy định: “*Nếu xét những tội có điều nghi ngờ thì chiếu theo tội đó mà cho giảm*”.

Các quy định trên đồng thời đã khẳng định Quốc triều Hình luật không thừa nhận nguyên tắc hồi tố của hình luật. Tuy nhiên, cũng giống như Luật Hình sự hiện đại, Quốc triều Hình luật cũng thể hiện ý tưởng chấp

nhận áp dụng hình luật trở về trước trong trường hợp có lợi cho người phạm tội. Ví dụ, Điều 17 quy định: “*... Khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật việc mới phát giác thì xử tội theo luật già cả tàn tật...*”.

Mặc dù Quốc triều Hình luật có cách quy định quá tỉ mỉ, vụn vặt và chi tiết về các tội phạm cụ thể (với mức hình phạt cụ thể kèm theo) nhưng giữa các quy định của phần chung trong Chương Danh lệ và các quy định còn lại về các tội phạm cụ thể không hề bộc lộ sự mâu thuẫn nào, thể hiện tính thống nhất và chặt chẽ giữa các phần, các chương của Bộ luật Hình sự hoàn chỉnh. Đó cũng chính là biểu hiện tiếp theo của tính pháp chế của Quốc triều Hình luật.

Từ những phân tích trên, rõ ràng cho thấy nguyên tắc pháp chế được thể hiện trong hình luật nhà Lê đã mang đầy đủ các nội dung của nguyên tắc pháp chế trong Luật Hình sự hiện đại. Sự nghiêm minh của hình luật từ việc pháp điển hoá đến việc áp dụng thể hiện trong hình luật nhà Lê là rất đáng để chúng ta trân trọng và kế thừa, nhất là trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa⁴.

2. Nguyên tắc nhân đạo được thể hiện trong Quốc triều Hình luật rất rõ nét, hơn cả hình luật của triều đại trước và sau đó. Như đã được đề cập ở phần trên, tính nhân đạo được thể hiện trước tiên ở các quy định phản ánh chính sách hình sự khoan hồng đối với những người phạm tội là người già, tàn tật và trẻ em cũng như đối với người phạm tội tuy chưa bị phát giác đã tự thú.

Điều 16 Quốc triều Hình luật không quy định một mức độ khoan hồng chung cho những người già từ 70 tuổi trở lên, trẻ em từ

⁴ Luật Hình sự Việt Nam hiện đại vẫn cần tiếp tục được củng cố để tăng cường tính pháp chế, ví dụ như cần quy định bổ sung cơ sở pháp lý cho các trường hợp phạm tội do người không tự mình thực hiện tội phạm, các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm, tổ chức tội phạm... Xem thêm: Lê Thị Sơn:

- “Hoàn thiện chế định cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 6/1996.

- “Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm”, *Tạp chí Luật học*, số 3/1998.

15 tuổi trở xuống và những người bị tàn tật, mà quy định các mức độ khoan hồng khác nhau tùy theo độ tuổi và mức độ tàn tật của họ. Sự giảm nhẹ được tính tỷ lệ thuận với độ tuổi của người già và tỷ lệ nghịch với độ tuổi của trẻ em. Tương tự như vậy, người phạm tội bị ác tật được giảm nhẹ hơn người bị phế tật. Cụ thể, đối với người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống cùng người bị phế tật phạm tội (trừ tội thập ác) từ lưu trở xuống đều cho chuộc bằng tiền. Trong khi đó, nếu người từ 80 tuổi trở lên, trẻ em từ 10 tuổi trở xuống hoặc người bị ác tật phạm tội phản nghịch, giết người đáng tội chết thì phải tâu vua để xét định, nếu ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc bằng tiền, nếu phạm các tội khác thì được tha. Còn đối với người từ 90 tuổi trở lên và 7 tuổi trở xuống nếu phạm tội chết cũng được tha không bị hành hình. Ngoài ra, tại Điều 17 Quốc triều Hình luật còn quy định: “*Khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật việc mới được phát giác thì xử theo luật già cả tàn tật. Khi ở nơi bị đồ mà già cả tàn tật thì cũng thế. Khi còn bé nhỏ phạm tội, đến khi lớn mới phát giác thì xử tội theo luật lúc còn nhỏ*”.

Qua các quy định trên cho thấy Quốc triều Hình luật đã thể hiện chính sách hình sự đặc biệt nhân đạo đối với những người phạm tội là người già, trẻ em⁵ và người bị tàn tật, miễn cho họ phải chịu hình phạt tàn ác bằng cách cho họ được chuộc tội bằng tiền hoặc tha tội nếu họ không phạm tội thập ác, tội phản nghịch hay tội giết người với hình phạt được quy định là tử hình.

Quốc triều Hình luật cũng thể hiện chính sách hình sự đặc biệt khoan hồng đối với người phạm tội tuy chưa bị phát giác mà tự thú trước. Chính sách hình sự khoan hồng này không đặt ra đối với người phạm tội thập ác hoặc giết người và cũng được quy

định phân hoá đối với các đối tượng (phạm tội) tự thú khác nhau. Nguyên tắc chung được quy định là người tự thú được tha tội (được tha tội về tội tự thú trước, về tất cả các tội đã phạm nếu phạm tội nhẹ bị phát giác lại thú cả tội nặng hoặc nhân hối về tội đương xét tự thú thêm các tội khác nữa, về tội cùng trốn mà biết bắt nhau đem nộp quan). Nếu tự thú không thật hoặc không hết hoặc biết mình sắp bị tố giác mới tự thú thì được giảm hình phạt một bậc, về tang vật không thú hết thì vẫn phải chịu tội (xem các điều 18, 19).

Ở một số quy định về hình phạt của Quốc triều Hình luật cũng phản ánh nội dung nhân đạo. So sánh hệ thống hình phạt được quy định trong Quốc triều Hình luật và trong hình luật của triều đại trước đó cũng như trong Hoàng Việt luật lệ thời nhà Nguyễn cho thấy Quốc triều Hình luật quy định nhiều hơn cả số hình phạt không tước tự do hoặc không tác động tàn ác lên thân thể con người như hình phạt biếm tước (chỉ có trong Quốc triều Hình luật), hình phạt tiền và tịch thu tài sản.

Biện pháp cho chuộc tội bằng tiền được quy định áp dụng đối với hầu hết các loại hình phạt trừ hình phạt đánh roi vì cho rằng đánh roi có tính chất răn bảo, dạy dỗ nên không cần phải cho chuộc⁶. Biện pháp này được coi là biện pháp chấp hành hình phạt mang tính nhân đạo vì đã cho phép những người phạm tội được miễn chấp hành những hình phạt tàn ác nếu họ đã nộp những khoản tiền chuộc theo quy định⁷. Biện pháp này tuy được quy định mô phỏng theo quy định của hình luật cổ Trung Quốc nhưng trong hình luật Việt Nam lần đầu tiên được quy định trong Quốc triều Hình luật. Như đã phân tích ở trên, biện pháp này được quy định áp dụng chủ yếu cho đối tượng được hưởng chính

⁵ Tuy so với quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) hiện hành về trách nhiệm hình sự (TNHS) của người chưa thành niên thì sự trừng phạt như vậy là nghiêm khắc nhưng so với sự trừng phạt hà khắc đối với các trường hợp thông thường được thể hiện trong Quốc triều Hình luật thì chính sách như vậy là đặc biệt giảm nhẹ.

⁶ Xem: Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử*, tr.216.

⁷ Ngày nay trong BLHS của Cộng hoà liên bang Đức cũng có quy định cho phép hình phạt tiền thay thế cho hình phạt tù ngắn hạn (tù dưới 6 tháng). Xem: Điều 47.

sách hình sự ưu đãi (bất nghị) và cho các đối tượng được hưởng chính sách hình sự khoan hồng nêu trên.

Ở một số điều luật quy định về loại, mức hình phạt áp dụng cho người phạm tội là phụ nữ và điều kiện thi hành hình phạt đối với phụ nữ có thai cũng phản ánh tính nhân đạo. Về các quy định này có thể nêu như quy định không áp dụng hình phạt đánh gậy đối với đàn bà phạm tội, hoặc quy định trong cùng một bậc hình phạt khổ sai đàn bà phải chịu hình phạt kèm theo nhẹ hơn. Ví dụ, Điều 1 quy định trọng hình chỉ đàn ông phải chịu: kèm theo làm tượng phùng bình đàn ông bị đánh 80 trượng, thích vào cổ 2 chữ, kèm theo làm xuy thất tỷ đàn bà bị đánh 50 roi, thích vào cổ 2 chữ. Quy định này càng được đánh giá tiến bộ nếu đặt nó trong mối liên hệ với quan niệm phong kiến về địa vị thấp kém của người phụ nữ so với người chồng trong gia đình mà đã được thể hiện trong Quốc triều Hình luật như đã nêu ở phần trên. Tính nhân đạo được đặc biệt thể hiện ở quy định của Điều 680 cho phép hoãn thi hành hình phạt (tất cả hình phạt tử tử hình trở xuống) đối với phụ nữ đang có thai và trong thời gian 100 ngày sau khi sinh con. Những người có trách nhiệm thi hành án không tuân thủ quy định này sẽ bị trừng phạt theo quy định*. Tất cả những biểu hiện nêu trên đều được thể hiện dưới sắc thái khác trong Luật Hình sự Việt Nam hiện đại. Tương ứng với tinh thần nhân đạo được nêu trong các quy định trên, Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam hiện nay đã có các quy

định về tuổi chịu TNHS đối với người chưa thành niên, về tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với người phạm tội là người già, người bị bệnh, bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình, về hệ thống hình phạt bao gồm các hình phạt không có tính chất tàn khốc và nhiều hình phạt không tước tự do... BLHS Việt Nam cũng quy định không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử, không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi...

3. Ngoài ra, Quốc triều Hình luật còn mang nhiều biểu hiện của các nguyên tắc dặt thù của ngành luật hình sự trong thời hiện đại. Thuộc về các nguyên tắc đó là nguyên tắc hành vi, nguyên tắc có lỗi, nguyên tắc trách nhiệm hình sự cá nhân và trách nhiệm hình sự tập thể, nguyên tắc cá thể hoá hình phạt.

3.1. Đa số các tội phạm được quy định trong Quốc triều Hình luật là hành vi cụ thể của thể nhân. Trong một số ít điều luật của Quốc triều Hình luật, âm mưu phạm tội được quy định là tội phạm. Đó là các điều luật quy định về một số tội thập ác như về tội mưu phản, mưu đại nghịch, mưu chống đối và các tội mưu giết người⁹. Việc phạm những tội ác nghiêm trọng nhất theo quan niệm của Nhà nước phong kiến (thập ác và giết người) cần phải được ngăn chặn sớm từ khi mới có âm mưu (ý định phạm tội được bộc lộ ra bên ngoài) cho nên hình luật nhà Lê mới dành một số điều để quy định những loại âm mưu phạm tội trên. Kinh nghiệm lập pháp này vẫn được duy trì trong xây dựng luật hình sự hiện đại của những năm 70 của thế kỷ XX. Trong Pháp lệnh Trưng trị các tội phản cách mạng ngày 30 tháng 10 năm 1967 đã có một điều luật về tội "Âm mưu lật đổ chính quyền".

Như vậy, các quy định của Quốc triều

* Điều 680 quy định như sau: "Đàn bà phải chịu tội tử tử hình trở xuống, nếu đang có thai thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày, mới đem hành hình. Nếu chưa sinh mà đem hành hình thì ngục quan bị xử biếm hai tư, ngục lại bị tội đồ làm bản cục đình. Dù đã sinh rồi nhưng chưa đủ hạn 100 ngày mà hành hình thì ngục quan và ngục lại bị tội biếm hay tội phạt. Nếu khi chưa sinh mà thi hành tội xuy thì ngục quan bị phạt tiền 20 quan, ngục lại bị tội 80 trượng. Nếu vì đánh roi bị xảy ra trọng thương hay bị chết thì khép vào tội làm lữ giết người hay làm bị thương. Sau khi sinh đẻ chưa đủ 100 ngày mà đem thi hành xuy thì chiếu theo tội lúc chưa sinh mà giảm cho một bậc".

⁹ Xem: Điều 2: Mười tội ác; Điều 411: Mưu làm phản; Điều 412: Mưu mô theo giặc phản nước; Điều 415: Chủ mưu giết người; Điều 416: Chủ mưu giết bậc tôn trưởng hay ông bà, cha mẹ; Điều 418: Bày mưu giết sứ giả của vua.

Hình luật về tội phạm đã phản ánh việc thừa nhận nguyên tắc hành vi và không thừa nhận nguyên tắc truy nã về tư tưởng tương tự như luật hình sự Việt Nam hiện đại. Ở một số tội, âm mưu phạm tội được xác định là dấu hiệu khách quan của tội phạm và âm mưu cũng được coi là sự biểu lộ ý định phạm tội ra bên ngoài.

3.2. Quốc triều Hình luật không có điều luật nào khẳng định về nguyên tắc có lỗi nhưng nguyên tắc này đã được khẳng định qua các quy định của chính Bộ luật này. Trong nhiều điều luật về các tội phạm cụ thể, điều văn không có một chữ nào nói về lỗi của chủ thể nhưng sự mô tả hành vi phạm tội hoặc công cụ, phương tiện phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra đã phản ánh lỗi của chủ thể là cố ý. Ví dụ như các quy định sau: “*Những người tiết lộ những việc đại sự cần giữ bí mật thì xử tội chém...*” (Điều 116); “*Kẻ dùng thuốc độc hại người hay là bán thuốc độc, đều phải tội giảo...*” (Điều 421); “*Trói người bỏ vào chỗ hiểm, bóp cổ, bịt miệng, mũi người cùng là chẹn cửa đốt nhà để cho người ta chết, đều xử tội giết người...*” (Điều 422); “*... Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lên thì xử tội đồ làm tượng phượng bình...*” (Điều 466).

Ở một số điều luật khác, lỗi của chủ thể được khẳng định trực tiếp là lỗi cố ý hoặc chỉ được khẳng định gián tiếp qua mô tả trạng thái tâm lý của chủ thể như mô tả bằng các cụm từ: “*Tự tiện*”, “*tự ý*”, “*biết mà...*”. Ví dụ, Điều 467 quy định: “*... lấy gươm giáo cố ý giết người thì phải tội chém...*”; Điều 61 quy định: “*Những người vào cung điện, tự tiện nói chuyện với cung tần và đưa thư tín cùng áo quần đồ vật thì phải tội chém*”; Điều 157 quy định: “*Các quan giám lâm, quan chủ ty biết thuộc viên phạm tội mà không phát giác, xử biếm hai tư, đàn cứ quan biết mà không phát giác, tội cũng thế...*”; Điều 207 quy định: “*Những quan coi sóc người làm việc trong cung mà tự ý tha quân dân để lấy tiền hay đồ vật hoặc đem quân dân làm việc riêng cho mình, nếu tha hay dùng riêng một người phải biếm một tư...*”

Những trường hợp phạm tội do vô ý được

nhà làm luật của Quốc triều Hình luật quy định rất rõ trong điều luật. Ví dụ, Điều 115 quy định: “*Những người quan ty giám đương và người coi sở ngự thiện nếu vô ý đem các thứ thuốc đến sở ngự thiện: thuốc lành thì xử tội đồ, hại, thuốc độc thì xử tội chém...*”, Điều 232 quy định: “*Những quan văn, võ vâng mệnh vua sai hoặc có lệnh trên sai làm việc gì, vô tình dùng dằng để lỡ mất việc, nếu là việc nhỏ (công việc hàng ngày) thì xử tội biếm...*”; Điều 475 quy định: “*Lãng mạ ông bà, cha mẹ thì xử tội lưu di châu ngoài; đánh thì xử di châu xa; đánh bị thương thì xử giảo; vì làm lỡ mà làm chết¹⁰ thì xử tội lưu châu ngoài...*”; Điều 182 quy định: “*... Nếu nước sông lên to tự mình đến giữ đê nhưng khi vỡ đê không có mặt ở đó thì cũng cùng một tội với người vô ý để vỡ đê...*”.

Đặc biệt, Quốc triều Hình luật còn quy định các trường hợp không bị coi là phạm tội hay được loại trừ trách nhiệm hình sự do chủ thể có hành vi gây thiệt hại không có lỗi. Qua các quy định này Quốc triều Hình luật đã phân biệt giữa trường hợp có lỗi và trường hợp không có lỗi. Điều này càng khẳng định sự thừa nhận nguyên tắc có lỗi trong Quốc triều Hình luật mà tinh thần của nó tương tự như nguyên tắc có lỗi trong Luật Hình sự hiện đại là chỉ cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi gây thiệt hại khi người đó có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó. Ví dụ về quy định trường hợp không có lỗi là quy định của Điều 182 đã nêu ở trên. Ngay sau khi quy định trường hợp phạm tội vô ý để vỡ đê, điều luật quy định luôn trường hợp bất khả kháng: “*Nếu đường đê vững chắc lại cố giữ gìn song vì nước lụt quá to, sức người không chống nổi mà đê vỡ thì không bị xử tội*”. Ở một số điều luật khác, Quốc triều Hình luật còn quy định những trường hợp gây thiệt hại nhưng chủ thể không phải chịu tội do không có lỗi. Đó là các trường hợp tương tự như phòng vệ chính đáng trong Luật Hình sự Việt Nam hiện đại. Cụ thể: Điều 450 quy định: “*Những kẻ ban đêm vô cớ vào nhà*

¹⁰ Theo Luật Hình sự hiện đại có nghĩa là vô ý với hậu quả chết người.

người ta thì xử tội đồ; chủ nhân đánh chết ngay lúc ấy thì không phải tội...”; Điều 485 quy định: “Ông bà, cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què gầy, bị thương thì không phải tội...”; Điều 646 quy định: “Đi bắt tội nhân mà tội nhân chống cự bị người đi bắt đánh chết, hay vì tội nhân bỏ chạy, đuổi mà đánh chết, hay là tội nhân cùng quần quá mà tự sát thì người đi bắt đều được miễn tội...”.

3.3. Luật Hình sự hiện đại của nhiều nước trên thế giới đều thừa nhận nguyên tắc trách nhiệm hình sự cá nhân hay của thể nhân. Theo đó, chỉ thừa nhận chủ thể của tội phạm là thể nhân và chính họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do mình gây ra. Bên cạnh đó, Luật Hình sự của một số nước khác còn thừa nhận cả trách nhiệm hình sự của pháp nhân (hay gọi là trách nhiệm hình sự tập thể) bên cạnh việc thừa nhận trách nhiệm hình sự của thể nhân như Luật Hình sự của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa¹¹ và của Cộng hoà Pháp.

Cả hai dạng trách nhiệm hình sự cá nhân và tập thể đều được thừa nhận trong Quốc triều Hình luật và được phản ánh thông qua các quy định về tội phạm cụ thể. Đa số các tội phạm được quy định là tội phạm do thể nhân thực hiện và loại cũng như mức hình phạt kèm theo là cho chính chủ thể gây ra tội phạm đó. Qua cách quy định đó, đa số các điều luật của Quốc triều Hình luật đã khẳng định nguyên tắc trách nhiệm hình sự cá nhân. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số điều luật tuy quy định tội phạm là do thể nhân gây ra nhưng lại quy định trách nhiệm hình sự không chỉ của thể nhân mà cả của những người thân thích hoặc vợ, con của họ. Đó là quy định của các Điều 411 và 412 về TNHS đối với tội mưu làm phản, mưu đại nghịch và mưu phản nước theo giặc. Điều 411 quy định: “*Những kẻ mưu làm phản, mưu làm việc đại nghịch*

*thì xử tội chém bên dân; kẻ tông phạm và thân đẳng biết việc ấy đều phải tội chém; vợ, con, diên sản đều bị tịch thu làm của công...”; Điều 412 quy định: “*Những kẻ mưu phản nước theo giặc thì xử chém; nếu đã hành động thì xử chém bên đầu; kẻ biết việc ấy thì cũng đồng tội; vợ, con, diên sản đều phải tịch thu sung công...”.**

Cơ sở quy định trách nhiệm hình sự tập thể trong các điều luật trên theo tác giả là hoàn toàn xuất phát từ đạo lý Nho giáo về gia đình, cụ thể là từ quan niệm đề cao trách nhiệm của những người thân trong gia đình với nhau. Cơ sở này hoàn toàn khác với cơ sở quy định về TNHS của pháp nhân trong Luật Hình sự hiện đại, chủ yếu dựa vào trách nhiệm của pháp nhân đối với việc gây ra tội phạm và xuất phát từ yêu cầu ngăn ngừa tội phạm do pháp nhân gây ra.

3.4. Theo nguyên tắc cá thể hoá hình phạt của Luật Hình sự Việt Nam hiện đại thì hình phạt được tuyên cho người phạm tội phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội cũng như hoàn cảnh phạm tội của họ. Nguyên tắc này được thực hiện không những trong việc xây dựng luật mà cả trong áp dụng luật. Các quy định của BLHS Việt Nam hiện đại về phân hoá TNHS chính là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong thực tiễn.

Nghiên cứu các quy định của Quốc triều Hình luật cho thấy các quy định về tội phạm và hình phạt đã thể hiện sự phân hoá cao về TNHS. Trước tiên, thể hiện ở các quy định về các tội phạm cụ thể trong các chương từ 2 đến 13 của Quốc triều Hình luật. Qua các quy định về tội phạm cụ thể theo cách nêu trên cũng như qua quy định của phần Danh lệ cho thấy TNHS không chỉ được phân hoá theo mức độ nguy hiểm của hành vi cùng các tình tiết khách quan như hoàn cảnh, công cụ, phương tiện phạm tội, hậu quả... mà còn được phân hoá theo các nguyên tắc sau đây:

- Phân hoá giữa TNHS của đối tượng cần nghiêm trị và đối tượng được khoan hồng.

¹¹ Điều 30 BLHS của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “*Công ty, xí nghiệp, cơ quan, đoàn thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì cũng bị coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự”.*

Đối tượng bị nghiêm trị là những người phạm tội thập ác theo quy định của Điều 2 và đối tượng được hưởng chính sách khoan hồng là người già, trẻ em, người bị tàn tật theo quy định của các điều 16, 17 và người tự thú theo quy định của các điều 18, 19, 20.

- Phân hoá giữa TNHS của người phạm tội cố ý và người phạm tội do vô ý hay lỗi lầm theo tinh thần quy định của Điều 47. Theo tinh thần này, tuy cùng có hành vi phạm tội giống nhau, người phạm tội do vô ý bị xử nhẹ hơn người phạm tội do cố ý.

- Phân hoá TNHS theo địa vị xã hội. Những người có địa vị xã hội cao thuộc đối tượng “Bất nghị” được hưởng chính sách hình sự ưu đãi.

- Phân hoá TNHS theo địa vị gia đình và xã hội của phạm nhân và của nạn nhân. Cùng phạm tội như nhau người có địa vị cao bị xử phạt nhẹ hơn người có địa vị thấp. Ví dụ, Điều 488 quy định: “*Quan tá nhị và quan thuộc hạ mà đánh các bậc quan trưởng thì xử nhẹ hơn tội lính đánh quan trưởng hai bậc...*”. Ngược lại, cùng phạm tội giống nhau nhưng phạm tội đối với nạn nhân có địa vị gia đình cao hơn thì bị xử phạt nặng hơn.

Ví dụ, Điều 415 quy định: “*Những kẻ mưu giết người thì xử tội lưu di châu gần...*”, trong khi đó Điều 416 lại quy định: “*Những kẻ mưu giết những bậc tôn trưởng vào hạng cơ thân, ông bà ngoại, chồng và ông, bà, cha mẹ chồng, đều phải tội chém...*”.

- Phân hoá TNHS giữa đàn ông và đàn bà, giữa người chồng và người vợ.

- Phân hoá TNHS theo đặc điểm nhân thân khác như phạm tội lần đầu hay tái phạm. Người phạm tội lần đầu bị xử nhẹ hơn người tái phạm. Ví dụ, Điều 429 quy định: “*Kẻ ăn trộm mới phạm lần đầu thì phải lưu di châu xa. Kẻ ăn trộm đã có tiếng và kẻ trộm tái phạm thì phải tội chém...*”.

Qua các nguyên tắc phân hoá TNHS nêu trên cho thấy sự phân hoá TNHS trong quy định của Quốc triều Hình luật dựa nhiều vào các đặc điểm nhân thân theo quan niệm của Luật Hình sự hiện đại. Tất cả các đặc điểm như về tuổi, tàn tật, giới tính, địa vị xã hội, gia đình, tái phạm... đều thuộc các đặc điểm nhân thân. Đây cũng là kết quả của sự ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo phong kiến trong Quốc triều Hình luật.

(Tiếp theo trang 13 – Một số tiêu chí cơ bản ...)

văn bản QPPL của Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm đảm bảo tính thống nhất và khoa học trong kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật).

Tiêu chí này đòi hỏi các QPPL được ban hành không chỉ bảo đảm đúng với thẩm quyền, thủ tục do pháp luật quy định mà nó còn đòi hỏi các văn bản QPPL do cơ quan cấp dưới ban hành phải phù hợp và không được trái với những quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Nhiều QPPL của cơ quan nhà nước cấp dưới là sự cụ thể hoá các QPPL của cơ quan nhà nước cấp cao hơn. Tiêu chí này chính là sự đòi hỏi về tính hợp pháp lẫn tính hợp lý trong cả hệ thống pháp luật.

Tóm lại, để hướng tới một nền pháp luật tiên tiến, hiệu quả với hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ và toàn diện, việc xây dựng các tiêu chí bảo đảm cho các mục tiêu này là yêu cầu bắt buộc. Việc xây dựng, hoàn thiện và bảo đảm thực hiện các tiêu chí về nội dung và hình thức, cũng như những yếu tố về nguồn lực cả về lý thuyết cũng như trong thực tế sẽ góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta, hướng tới một nền pháp luật hiện đại, khá thi, đáp ứng với yêu cầu đổi mới, hội nhập, với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam.